

Bản án số: 188 / 2018 / HNGĐ - ST

Ngày: 14 / 6 / 2018

“V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc N**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Út N1**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà N trình bày: Bà và ông N1 chung sống như vợ chồng năm 1998, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước. Thời gian chung sống ban đầu hạnh P nhưng do ông N1 đam mê cờ bạc mặc dù bà đã khuyên can nhiều lần nên xảy ra mâu thuẫn. Hiện bà và ông N1 vẫn sống chung với nhau nhưng không có nói chuyện, mạnh ai nấy sống. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng P, sinh ngày 06/10/2000 và Nguyễn Hữu H sinh ngày 24/11/2006 hiện vẫn sống chung với gia đình. Ly hôn bà xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Út N1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà N.

Cháu Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hữu H có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đó, ông N1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông N1 vắng mặt mặc dù được triệu tập hợp lệ, do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà N với ông N1 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Ngọc N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết về việc hôn nhân, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn Út N1, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út N1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 1998, bà N và ông Út N1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2008 thì ông, bà đến Ủy ban nhân dân xã Đa Phước đăng ký kết hôn theo quy định. Do hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống theo bà N trình bày do ông Út N1 không chí thú làm ăn mà chỉ đam mê cờ bạc, nhiều lần bà khuyên can nhưng ông không sửa đổi nên từ đó phát sinh mâu thuẫn. Tòa án cũng đã xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông bà, được ông Huỳnh Văn N2 là Phó ban ấp Phước Thọ cho biết việc mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của bà N, ông N1 là có xảy ra, nguyên nhân là do ông N1 có tính cờ bạc và trước đây bà N cũng có nhờ ban ấp giải quyết. Theo bà N cho biết hiện bà và ông N1 không còn chung sống với nhau nữa.

Ông Út N1 đã được tổng đạt các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng ông không đến tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng như không có ý kiến trình bày đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N. Đồng thời theo lời khai của các con chung là cháu P, cháu H thể hiện ông N1 thường xuyên lấy đồ đạc trong nhà cầm, bán để đi đánh bạc, không quan tâm chăm sóc con cái.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ căn cứ xác định mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông N1, bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho ông, bà ly hôn để các bên tự xây dựng hạnh phúc riêng của mình.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Bà N khai có 02 con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 06/10/2000 và Nguyễn Hữu H sinh ngày 24/11/2006, bà có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn. Cháu P và cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Hồng P sinh ngày 06/10/2000 và Nguyễn Hữu H sinh ngày 24/11/2006 cho bà N nuôi dưỡng. Ông Út N1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung, bà N và người thân trong gia đình không được cản trở việc thăm con chung của ông N1. Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà N khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Bà Lê Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn Út N1 được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng P sinh ngày 06/10/2000 và Nguyễn Hữu H sinh ngày 24/11/2006 cho bà N nuôi dưỡng. Ông Út N1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung, bà N và người thân trong gia đình không được cản trở việc thăm nom con chung của ông N1.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cơ quan, tổ chức khác Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, tuy nhiên được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002870 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

****Nơi gửi:***

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- UBND xã Đa Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo